

Số: 100 /TB-LDVT

V/v Công bố thông tin Báo cáo tài chính

Hải Phòng, ngày 07 tháng 02 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020TT-BCTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng

- Mã chứng khoán: TUG

- Địa chỉ: Số 4 Lý Tự Trọng, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại: 02253.569.551 ; Fax: 02253.747.073

- Email công bố thông tin: info@tugtranco.vn ; Website: www.tugtranco.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đã được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty vào ngày 07 tháng 02 năm 2024 tại đường dẫn: www.tugtranco.vn (mục Quan hệ cổ đông).

Chúng tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung đã công bố. /.

Người đại diện theo pháp luật



Hoàng Đình Quang
GIÁM ĐỐC

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2023;
- Văn bản giải trình.



**CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT
VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: **99** /CV-LD&VT
“V/v giải trình biến động kết quả
kinh doanh năm 2023”

Hải Phòng, ngày **07** tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng.


Công ty cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán TUG) xin giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán với Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Lũy kế		Tỷ lệ (%)
		Năm 2023	Năm 2022	2023/2022
1	Lợi nhuận sau thuế	8.760.385.295	13.299.786.813	65,87%

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 65,87% so với lợi nhuận sau thuế năm 2022 chủ yếu do giảm lợi nhuận từ hoạt động khác. Cụ thể như sau:

- Lợi nhuận từ hoạt động thanh lý tài sản cố định năm 2022 là 6.425.655.001 đồng (Sáu tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm lẻ một đồng).
- Lợi nhuận từ hoạt động thanh lý tài sản cố định năm 2023 là 356.930.818 đồng (Ba trăm lăm mươi sáu triệu, chín trăm ba mươi nghìn, tám trăm mười tám đồng).

Trân trọng báo cáo! 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT Công ty ;
- Lưu TCKC, TCKT.



Hoàng Đình Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Hoàng Đình Quang	Thành viên
Ông Lê Minh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
Ông Chu Tất Đạt	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đào Ngọc Thành	Trưởng Ban
Ông Nhữ Văn Nguyên	Thành viên
Bà Đặng Thị Vân Anh	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Hoàng Đình Quang	Giám đốc
Ông Chu Tất Đạt	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Đỗ Ngọc Thắng.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Khay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Đình Quang

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 07 tháng 02 năm 2024

Số: 68/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 07 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 15/02/2023.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2024

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số 5142-2020-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72.002.241.906	63.517.595.630
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	50.209.012.709	31.303.395.356
Tiền	111		15.209.012.709	10.303.395.356
Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	21.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	11.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	11.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.647.894.967	18.069.002.193
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	20.874.290.090	19.005.009.886
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	655.544.503	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	118.923.974	320.815.907
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.000.863.600)	(1.256.823.600)
Hàng tồn kho	140	10	982.245.601	2.994.840.250
Hàng tồn kho	141		982.245.601	2.994.840.250
Tài sản ngắn hạn khác	150		163.088.629	150.357.831
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	163.088.629	106.763.946
Thuế GTGT được khấu trừ	152	14	-	43.593.885
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.744.045.342	4.805.820.184
Tài sản cố định	220		292.393.318	841.704.295
Tài sản cố định hữu hình	221	12	292.393.318	841.704.295
- Nguyên giá	222		42.192.765.971	42.734.089.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.900.372.653)	(41.892.385.543)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		80.000.000	80.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80.000.000)	(80.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		460.417.508	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		460.417.508	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.991.234.516	3.964.115.889
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	2.991.234.516	3.964.115.889
TỔNG TÀI SẢN	270		75.746.287.248	68.323.415.814

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		20.302.501.953	17.240.229.001
Nợ ngắn hạn	310		20.302.501.953	17.240.229.001
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	9.532.148.052	7.645.957.609
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.000.000	100.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	859.370.756	671.915.203
Phải trả người lao động	314		5.555.478.344	5.322.798.459
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		174.737.129	61.620.981
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	590.121.717	1.011.365.607
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.579.645.955	2.426.571.142
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.443.785.295	51.083.186.813
Vốn chủ sở hữu	410	16	55.443.785.295	51.083.186.813
Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.683.400.000	10.783.400.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.760.385.295	13.299.786.813
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.760.385.295	13.299.786.813
TỔNG NGUỒN VỐN	440		75.746.287.248	68.323.415.814

Hải Phòng, ngày 07 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Lựu

Kế toán trưởng

Đỗ Ngọc Thắng



Hoàng Đình Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	94.600.046.005	94.972.927.565
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		94.600.046.005	94.972.927.565
Giá vốn hàng bán	11	18	74.599.146.913	72.573.067.455
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		20.000.899.092	22.399.860.110
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.912.736.653	1.042.992.613
Chi phí tài chính	22	20	38.361.784	1.525.507
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	11.237.883.172	13.236.816.201
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.637.390.789	10.204.511.015
Thu nhập khác	31	22	714.552.418	6.527.725.001
Chi phí khác	32	23	237.169.271	2.002.000
Lợi nhuận khác	40		477.383.147	6.525.723.001
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.114.773.936	16.730.234.016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	2.354.388.641	3.430.447.203
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.760.385.295	13.299.786.813
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	3.245	4.926

Hải Phòng, ngày 07 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Lựu

Kế toán trưởng

Đỗ Ngọc Thắng



Hoàng Đình Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	11.114.773.936	16.730.234.016
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	549.310.977	1.739.732.867
Các khoản dự phòng (Lãi) hoạt động đầu tư	03 05	(255.960.000) (2.399.914.835)	255.960.000 (7.495.647.614)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.008.210.078	11.230.279.269
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.403.119.711)	(4.367.918.755)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.012.594.649	(1.733.893.821)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.772.793.431	3.470.543.598
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	916.556.690	410.015.248
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.210.447.203)	(3.578.449.511)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.626.712.000)	(1.423.063.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	7.469.875.934	4.007.513.028
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(460.417.508)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	487.178.182	6.452.655.001
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(11.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.036.517.475	876.398.092
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.063.278.149	(3.670.946.907)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.627.536.730)	(1.622.689.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.627.536.730)	(1.622.689.070)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	18.905.617.353	(1.286.122.949)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	31.303.395.356	32.589.518.305
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	50.209.012.709	31.303.395.356

Hải Phòng, ngày 07 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Lựu

Kế toán trưởng

Đỗ Ngọc Thắng



Hoàng Đình Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng, (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Xếp dỡ và Vận tải thủy – đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), được thành lập theo Quyết định số 874/QĐ-HĐQT ngày 24/11/2009 của Hội đồng quản trị (nay là Hội đồng thành viên) Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0201040588 ngày 01/03/2010, đã đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 22/04/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2023 là 27.000.000.000 đồng chia thành 2.700.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng góp 16.200.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 60%, các cổ đông khác góp 10.800.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 40%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 105 người (tại ngày 31/12/2022 là 107 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Lai đất, hỗ trợ tàu ra vào cảng;
- Cung cấp dịch vụ vận tải, bốc xếp hàng hóa;
- Ứng phó sự cố tràn dầu tại các cảng.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10

3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ.

3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu dịch vụ hỗ trợ lai đất, dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu và các dịch vụ khác.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	12.635.813	17.415.936
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.196.376.896	10.285.979.420
- Các khoản tương đương tiền	35.000.000.000	21.000.000.000
Cộng	50.209.012.709	31.303.395.356

Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 35.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Hải Phòng với lãi suất 2,1 – 3,7%/năm.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	163.088.629	106.763.946
- Chi phí bảo hiểm	163.088.629	106.763.946
b) Dài hạn	2.991.234.516	3.964.115.889
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	237.433.319	923.818.505
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.753.801.197	3.040.297.384
Cộng	3.154.323.145	4.070.879.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	20.874.290.090	(1.000.863.600)	19.005.009.886	(1.256.823.600)
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	8.378.412.743	-	7.652.265.313	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC	3.530.790.000	-	853.200.000	(255.960.000)
- Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu	2.752.076.806	-	2.448.228.652	-
- Công ty Cổ phần Nosco Shipyard	1.121.787.000	-	2.101.787.000	-
- Phải thu khách hàng khác	5.091.223.541	(1.000.863.600)	5.949.528.921	(1.000.863.600)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	20.874.290.090	(1.000.863.600)	19.005.009.886	(1.256.823.600)

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 27.1

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	655.544.503	-	-	-
- Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ tàu thủy Việt Hải	325.624.503	-	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Thương mại Quân Bảo	260.400.000	-	-	-
- Các nhà cung cấp khác	69.520.000	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	655.544.503	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	118.923.974	-	320.815.907	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	115.561.644	-	239.342.466	-
- Phải thu khác	3.362.330	-	81.473.441	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	118.923.974	-	320.815.907	-

9. NỢ XẤU

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Duyên Hải	253.710.000	-	253.710.000	253.710.000	-	253.710.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lan Hương	304.618.000	-	304.618.000	304.618.000	-	304.618.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải và lai đất Biển Đông	442.535.600	-	442.535.600	442.535.600	-	442.535.600
- Công ty Cổ phần Xây dựng Cơ khí AMECC	-	-	-	853.200.000	597.240.000	255.960.000
Cộng	1.000.863.600	-	1.000.863.600	1.854.063.600	597.240.000	1.256.823.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	982.245.601	-	2.994.840.250	-
Cộng	982.245.601	-	2.994.840.250	-

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2023	80.000.000	80.000.000
31/12/2023	80.000.000	80.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2023	(80.000.000)	(80.000.000)
31/12/2023	(80.000.000)	(80.000.000)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2023	-	-
31/12/2023	-	-

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 80.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 80.000.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2023	353.118.405	42.179.043.706	201.927.727	42.734.089.838
- Thanh lý, nhượng bán	-	(541.323.867)	-	(541.323.867)
31/12/2023	353.118.405	41.637.719.839	201.927.727	42.192.765.971
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2023	(344.670.405)	(41.345.787.411)	(201.927.727)	(41.892.385.543)
- Khấu hao trong năm	(8.448.000)	(540.862.977)	-	(549.310.977)
- Thanh lý, nhượng bán	-	541.323.867	-	541.323.867
31/12/2023	(353.118.405)	(41.345.326.521)	(201.927.727)	(41.900.372.653)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2023	8.448.000	833.256.295	-	841.704.295
31/12/2023	-	292.393.318	-	292.393.318

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 39.593.695.153 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 12.117.892.643 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	9.532.148.052	9.532.148.052	7.645.957.609	7.645.957.609
- Công ty TNHH Vận tải Đại Việt LOGISTICS	3.433.860.000	3.433.860.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải 568	1.350.980.000	1.350.980.000	3.006.480.000	3.006.480.000
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	1.492.298.485	1.492.298.485	2.063.877.021	2.063.877.021
- Các nhà cung cấp khác	3.255.009.567	3.255.009.567	2.575.600.588	2.575.600.588
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	9.532.148.052	9.532.148.052	7.645.957.609	7.645.957.609

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 27.1

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
	Thuế và các khoản phải nộp			
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	2.819.761.069	2.682.299.954	137.461.115
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	550.447.203	2.354.388.641	2.210.447.203	694.388.641
- Thuế thu nhập cá nhân	121.468.000	503.205.897	597.152.897	27.521.000
- Các loại thuế khác	-	10.387.000	10.387.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.000.000	2.000.000	-
Cộng	671.915.203	5.689.742.607	5.502.287.054	859.370.756

**CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI
CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

MẪU SỐ B09/DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	590.121.717	1.011.365.607
- Ăn ca	74.494.000	490.092.000
- Kinh phí công đoàn	11.841.740	9.963.900
- Bảo hiểm xã hội	2.861.223	2.861.223
- Bảo hiểm y tế	1.131.316	1.131.316
- Bảo hiểm thất nghiệp	504.711	504.711
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	338.272.500	345.809.230
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	161.016.227	161.003.227
b) Dài hạn	-	-
Cộng	590.121.717	1.011.365.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	27.000.000.000	6.983.400.000	8.093.374.934	42.076.774.934
- Lãi trong năm trước	-	-	13.299.786.813	13.299.786.813
- Phân phối lợi nhuận	-	3.800.000.000	(8.093.374.934)	(4.293.374.934)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.800.000.000	(3.800.000.000)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.673.374.934)	(2.673.374.934)
+ Chia cổ tức	-	-	(1.620.000.000)	(1.620.000.000)
31/12/2022	27.000.000.000	10.783.400.000	13.299.786.813	51.083.186.813
01/01/2023	27.000.000.000	10.783.400.000	13.299.786.813	51.083.186.813
- Lãi trong năm nay	-	-	8.760.385.295	8.760.385.295
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	8.900.000.000	(13.299.786.813)	(4.399.786.813)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	8.900.000.000	(8.900.000.000)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.605.786.813)	(2.605.786.813)
+ Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty	-	-	(174.000.000)	(174.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(1.620.000.000)	(1.620.000.000)
31/12/2023	27.000.000.000	19.683.400.000	8.760.385.295	55.443.785.295

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01.2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2023.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DÁT VÀ VẬN TÀI
CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

MẪU SỐ B09/DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	16.200.000.000	16.200.000.000
- Các cổ đông khác	10.800.000.000	10.800.000.000
Cộng	27.000.000.000	27.000.000.000

16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.000.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.620.000.000	1.620.000.000

16.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2023	01/01/2023
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

16.5 CÁC QUỸ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	19.683.400.000	10.783.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a) Doanh thu	94.600.046.005	94.972.927.565
- Dịch vụ hỗ trợ lai đất	71.833.817.598	75.229.369.749
- Dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu	1.486.607.578	1.602.418.862
- Dịch vụ khác	21.279.620.829	18.141.138.954
Cộng	94.600.046.005	94.972.927.565

b) Doanh thu với các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 27.1*

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Dịch vụ hỗ trợ lai đất	55.278.964.054	54.779.237.281
- Dịch vụ bốc xếp	-	193.386.716
- Dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu	209.926.277	744.995.676
- Dịch vụ khác	19.110.256.582	16.855.447.782
Cộng	74.599.146.913	72.573.067.455

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.912.736.653	1.042.992.613
Cộng	1.912.736.653	1.042.992.613

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	38.361.784	1.525.507
Cộng	38.361.784	1.525.507

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	7.309.663.139	8.098.373.863
- Chi phí vật liệu quản lý	486.276.784	185.385.917
- Thuế, phí và lệ phí	68.774.178	47.736.600
- Chi phí dự phòng	(255.960.000)	255.960.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.019.161.852	2.367.207.537
- Chi phí bằng tiền khác	1.609.967.219	2.282.152.284
Cộng	11.237.883.172	13.236.816.201

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	447.839.909	6.452.655.001
- Các khoản khác	266.712.509	75.070.000
Cộng	714.552.418	6.527.725.001

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Các khoản bị phạt	12.169.271	2.002.000
- Các khoản chi phí khác	225.000.000	-
Cộng	237.169.271	2.002.000

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	19.712.996.179	22.455.779.965
- Chi phí nhân công	25.429.242.559	25.165.952.608
- Khấu hao tài sản cố định	549.310.977	1.739.732.867
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.531.483.239	30.612.102.350
- Chi phí bằng tiền khác	1.682.206.397	5.580.355.866
- Chi phí dự phòng	(255.960.000)	255.960.000
Cộng	85.649.279.351	85.809.883.656

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.114.773.936	16.730.234.016
Các khoản chi phí không được khấu trừ	657.169.271	422.002.000
- Các khoản chi phí (phạt)	12.169.271	2.002.000
- Tiền lương và phụ cấp HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	420.000.000	420.000.000
- Các khoản khác	225.000.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	11.771.943.207	17.152.236.016
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	2.354.388.641	3.430.447.203
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.354.388.641	3.430.447.203

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	8.760.385.295	13.299.786.813
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	3.245	4.926

27. THÔNG TIN KHÁC

27.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Công ty	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thù lao của thành viên HĐQT	Chức vụ	432.000.000	432.000.000
Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Lê Minh Hải	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Nguyễn Văn Thanh	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Hoàng Đình Quang	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Chu Tất Đạt	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc và người quản lý khác (không bao gồm Thù lao HĐQT)	Chức vụ	1.159.902.433	1.205.105.833
Hoàng Đình Quang	Giám đốc	681.413.500	718.876.000
Chu Tất Đạt	Phó Giám đốc	478.488.933	486.229.833
Thu nhập của Ban Kiểm soát	Chức vụ	228.000.000	228.000.000
Đào Ngọc Thành	Trưởng ban	84.000.000	84.000.000
Phạm Thị Vân Anh	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Nhữ Văn Nguyên	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Cộng		1.819.902.433	1.865.105.833

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán hàng	51.547.031.696	59.816.652.342
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	40.397.630.409	47.696.511.543
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	9.578.151.287	10.121.240.799
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	1.571.250.000	1.998.900.000
Mua hàng	7.194.731.357	5.616.490.437
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	6.756.366.157	5.383.442.437
- Công ty TNHH MTV Trung Tâm Y tế Cảng Hải Phòng	50.424.000	65.108.000
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	387.941.200	167.940.000

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng	11.410.479.549	10.341.009.965
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	8.378.412.743	7.652.265.313
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	2.752.076.806	2.448.228.652
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	279.990.000	240.516.000
Phải trả người bán ngắn hạn	1.546.881.685	2.107.120.221
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	1.492.298.485	2.063.877.021
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	54.583.200	43.243.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tài Cảng Hải Phòng đã được kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 07 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu



Vũ Thị Lựu

Kế toán trưởng



Đỗ Ngọc Thắng



Hoàng Đình Quang